

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Mẫu số 12/ĐK
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **740** /PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày **30** tháng **6** năm 2025

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
CỦA 51 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG NHẬN
TẠI CHUNG CƯ CAO TẦNG 584 (KHỐI B), XÃ TÂN KIÊN, HUYỆN
BÌNH CHÁNH

Kính gửi: Đội Thuế huyện Bình Chánh.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Mã hồ sơ: *theo danh sách đính kèm 51 hồ sơ.*

1.2. Ngày nhận hồ sơ: ngày 13 tháng 6 năm 2025.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT:.

2.1. Tên: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HÙNG AN

2.2. Địa chỉ: Số 2, Trần Thánh Tông, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội

2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):.....

2.4. Mã số thuế (nếu có):.....

2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0106622804. Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 08 năm 2014; Đăng ký thay đổi lần thứ: 3 ngày 24 tháng 11 năm 2023.

2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

3.1. Thông tin về đất:

3.1.1. Thửa đất số: 365 ; Tờ bản đồ số: 62;

3.1.2. Địa chỉ tại: Xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh.

3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất:

- Đường/đoạn đường/khu vực: đường Huỳnh Bá Chánh (đoạn từ Quốc Lộ 1 đến Sông chợ Đệm)

- Vị trí thửa đất: vị trí 2.

- Chiều sâu của thửa đất (nếu có):m.

- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):.....m.

3.1.4 Diện tích thửa đất: 9901,5 m²

- Diện tích sử dụng chung: 9901,5 m²

- Diện tích sử dụng riêng:m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m²

- Diện tích đất trong hạn mức:.....m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m²

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:

3.1.6. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài ☒

- Có thời hạn:.....năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....

- Gia hạn:..... năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....;

3.1.9. Giá đất: theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT05280 ngày 21 tháng 02 năm 2011 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp; Bản đồ hiện trạng vị trí phân lô số 6110-ĐĐ/CN-TNMT được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 13 tháng 9 năm 2006.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất

3.2.1. Loại nhà ở, công trình: **theo danh sách đính kèm 51 hồ sơ**; cấp hạng nhà ở, công trình:.....;

3.2.2. Diện tích xây dựng: m²;

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: /diện tích sử dụng: m²;

3.2.4. Diện tích sở hữu chung; Diện tích sở hữu riêng:.....m²;

3.2.5. Số tầng: 15 tầng + 01 hầm + sân thượng.

3.2.6. Nguồn gốc:.....

3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: năm.

Năm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng: năm 2024.

Kết cấu: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT.

IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

- Tiền sử dụng đất:.....
- Lệ phí trước bạ:.....

V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

- Đính kèm 51 hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm:
 - + Hợp đồng mua bán, văn bản chuyển nhượng.
 - + Biên bản bàn giao nhà.
 - + Bản vẽ sơ đồ căn hộ.
 - + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Trung tâm Công nghệ thông tin (để đăng tin);
- Công ty CPĐT XD & KTCTGT 584;
- Lưu: VT, ĐK(HS), Ngọc.

HS: 94/2025. *ngv*

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC ✓

Lê Thành Phương

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH 51 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
TẠI CHUNG CƯ CAO TẦNG 584 (KHỐI B), XÃ TÂN KIÊN, HUYỆN BÌNH CHÁNH**
Đính kèm Phiếu chuyển số**740** PCTT-VPĐK-ĐK ngày ...**30**.../**6**.../2025 của Văn phòng
ĐKĐĐT

Stt	Biên nhận	Mã căn hộ theo HDMB	Mã căn hộ theo Quyết định cấp số nhà	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)
1	792761612025000094	D02-4	Căn hộ số 2-01, Tầng 2, Đơn nguyên D	79,0	73,4
2	792761612025000095	D02-5	Căn hộ số 2-08, Tầng 2, Đơn nguyên D	79,0	73,4
3	792761612025000096	D02-6	Căn hộ số 2-07, Tầng 2, Đơn nguyên D	84,3	78,7
4	792761612025000097	D02-7	Căn hộ số 2-06, Tầng 2, Đơn nguyên D	84,3	78,7
5	792761612025000098	D02-8	Căn hộ số 2-05, Tầng 2, Đơn nguyên D	79,9	74,3
6	792761612025000100	E02-1	Căn hộ số 2-01, Tầng 2, Đơn nguyên E	79,9	74,3
7	792761612025000101	E02-2	Căn hộ số 2-02, Tầng 2, Đơn nguyên E	84,3	78,7
8	792761612025000102	E02-7	Căn hộ số 2-07, Tầng 2, Đơn nguyên E	79,9	74,3
9	792761612025000103	A03-1	Căn hộ số 3-04, Tầng 3, Đơn nguyên A	79,9	74,3
10	792761612025000104	A03-2	Căn hộ số 3-03, Tầng 3, Đơn nguyên A	84,3	78,7
11	792761612025000105	A03-6	Căn hộ số 3-06, Tầng 3, Đơn nguyên A	84,3	78,7
12	792761612025000106	A03-7	Căn hộ số 3-05, Tầng 3, Đơn nguyên A	79,9	74,3
13	792761612025000107	B03-1	Căn hộ số 3-04, Tầng 3, Đơn nguyên B	79,0	73,4
14	792761612025000108	B03-2	Căn hộ số 3-03, Tầng 3, Đơn nguyên B	84,3	78,7
15	792761612025000109	B03-3	Căn hộ số 3-02, Tầng 3, Đơn nguyên B	84,3	78,7
16	792761612025000110	B03-4	Căn hộ số 3-01, Tầng 3, Đơn nguyên B	79,9	74,3
17	792761612025000111	B03-5	Căn hộ số 3-08, Tầng 3, Đơn nguyên B	79,9	74,3
18	792761612025000112	B03-6	Căn hộ số 3-07, Tầng 3, Đơn nguyên B	84,3	78,7
19	792761612025000113	B03-7	Căn hộ số 3-06, Tầng 3, Đơn nguyên B	84,3	78,7
20	792761612025000114	B03-8	Căn hộ số 3-05, Tầng 3, Đơn nguyên B	79,0	73,4
21	792761612025000115	C03-1	Căn hộ số 3-04, Tầng 3, Đơn nguyên C	79,0	73,4
22	792761612025000116	C03-2	Căn hộ số 3-03, Tầng 3, Đơn nguyên C	84,3	78,7
23	792761612025000117	C03-3	Căn hộ số 3-02, Tầng 3, Đơn nguyên C	84,3	78,7

Stt	Biên nhận	Mã căn hộ theo HĐMB	Mã căn hộ theo Quyết định cấp số nhà	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)
24	792761612025000118	C03-4	Căn hộ số 3-01, Tầng 3, Đơn nguyên C	79,0	73,4
25	792761612025000119	C03-5	Căn hộ số 3-08, Tầng 3, Đơn nguyên C	79,0	73,4
26	792761612025000120	C03-6	Căn hộ số 3-07, Tầng 3, Đơn nguyên C	84,3	78,7
27	792761612025000121	C03-7	Căn hộ số 3-06, Tầng 3, Đơn nguyên C	84,3	78,7
28	792761612025000122	C03-8	Căn hộ số 3-05, Tầng 3, Đơn nguyên C	79,0	73,4
29	792761612025000123	D03-1	Căn hộ số 3-04, Tầng 3, Đơn nguyên D	79,9	74,3
30	792761612025000124	D03-2	Căn hộ số 3-03, Tầng 3, Đơn nguyên D	84,3	78,7
31	792761612025000125	D03-3	Căn hộ số 3-02, Tầng 3, Đơn nguyên D	84,3	78,7
32	792761612025000126	D03-4	Căn hộ số 3-01, Tầng 3, Đơn nguyên D	79,0	73,4
33	792761612025000127	D03-5	Căn hộ số 3-08, Tầng 3, Đơn nguyên D	79,0	73,4
34	792761612025000128	D03-6	Căn hộ số 3-07, Tầng 3, Đơn nguyên D	84,3	78,7
35	792761612025000129	D03-7	Căn hộ số 3-06, Tầng 3, Đơn nguyên D	84,3	78,7
36	792761612025000130	D03-8	Căn hộ số 3-05, Tầng 3, Đơn nguyên D	79,9	74,3
37	792761612025000131	E03-1	Căn hộ số 3-01, Tầng 3, Đơn nguyên E	79,9	74,3
38	792761612025000132	E03-2	Căn hộ số 3-02, Tầng 3, Đơn nguyên E	84,3	78,7
39	792761612025000133	E03-7	Căn hộ số 3-07, Tầng 3, Đơn nguyên E	79,9	74,3
40	792761612025000134	A04-1	Căn hộ số 4-04, Tầng 4, Đơn nguyên A	79,9	74,3
41	792761612025000135	A04-2	Căn hộ số 4-03, Tầng 4, Đơn nguyên A	84,3	78,7
42	792761612025000136	A04-6	Căn hộ số 4-06, Tầng 4, Đơn nguyên A	84,3	78,7
43	792761612025000137	A04-7	Căn hộ số 4-05, Tầng 4, Đơn nguyên A	79,9	74,3
44	792761612025000138	B04-1	Căn hộ số 4-04, Tầng 4, Đơn nguyên B	79,0	73,4
45	792761612025000139	B04-2	Căn hộ số 4-03, Tầng 4, Đơn nguyên B	84,3	78,7
46	792761612025000140	B04-3	Căn hộ số 4-02, Tầng 4, Đơn nguyên B	84,3	78,7
47	792761612025000141	B04-4	Căn hộ số 4-01, Tầng 4, Đơn nguyên B	79,9	74,3
48	792761612025000142	B04-5	Căn hộ số 4-08, Tầng 4, Đơn nguyên B	79,9	74,3
49	792761612025000143	B04-6	Căn hộ số 4-07, Tầng 4, Đơn nguyên B	84,3	78,7
50	792761612025000144	B04-7	Căn hộ số 4-06, Tầng 4, Đơn nguyên B	84,3	78,7
51	792761612025000145	B04-8	Căn hộ số 4-05, Tầng 4, Đơn nguyên B	79,0	73,4

792